

NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN PHẢN XẠ NÓI TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ HAI NGÀNH NGÔN NGỮ ANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

STUDY ON THE STATUS AND PROPOSED SOLUTIONS FOR DEVELOPMENT
OF ENGLISH SPEAKING RESPONSIBILITIES OF SECOND YEAR STUDENTS OF ENGLISH LANGUAGE
AT HANOI UNIVERSITY OF INDUSTRY

Nguyễn Thành Trung^{1*}, Phạm Mạnh Cường¹, Nguyễn Thị Hòa¹,
Vũ Đăng Hoàng Hưng¹, Lý Như Phương², Bùi Thị Thu Giang³

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm mục đích tìm hiểu thực trạng phản xạ nói Tiếng Anh và các yếu tố ảnh hưởng tới việc phản xạ nói tiếng Anh của sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, từ đó đưa ra những giải pháp giúp sinh viên phát triển phản xạ nói tiếng Anh của bản thân. Nghiên cứu sử dụng kết hợp phương pháp định tính (thông qua quan sát và phỏng vấn bán cấu trúc) và phương pháp định lượng (thông qua khảo sát). Kết quả nghiên cứu cho thấy phản xạ nói tiếng Anh của sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh còn chậm, cần nhiều thời gian để phản xạ, sinh viên chưa chủ động và tự tin, còn sử dụng tiếng Việt nhiều trong quá trình tương tác với bạn cùng lớp. Các yếu tố ảnh hưởng tới phản xạ nói tiếng Anh của sinh viên được bao gồm: kiến thức ngôn ngữ, xã hội; tâm lý sợ sai, thụ động; môi trường học tập; mức độ phù hợp của hoạt động với năng lực của sinh viên; việc chuẩn bị bài và thực hành ngoài giờ học; thói quen tư duy bằng tiếng Việt và sử dụng tiếng Việt khi tham gia hoạt động; sự hỗ trợ từ giảng viên và sinh viên trong lớp; đặc thù môn học; kỹ năng nghe hiểu. Từ đó, nghiên cứu đề xuất ra các giải pháp tương ứng nhằm khắc phục và phát triển phản xạ nói tiếng Anh của sinh viên.

Từ khóa: *Thực trạng, phản xạ nói tiếng Anh, giải pháp, Ngôn ngữ Anh.*

ABSTRACT

This study was conducted with the aim of investigating the reality of English speaking reflex of second-year English-majored students at Hanoi University of Industry, the factors affecting their English speaking reflex, and therefore propose some solutions to help students develop their own English speaking reflex. The study employs qualitative (through observation and semi-structured interviews) and quantitative methods (through survey). The research results show that the English speaking reflex of the students under investigation is still slow and take time to produce. Students often use Vietnamese while interacting with their classmates. It is indicated from the results that there are nine factors affecting students' English speaking reflex, including language and social knowledge; the fear of making mistakes; being passive; study environment; the appropriateness of the activity with the student's ability; lesson preparation and practice outside classroom; the intervention of Vietnamese when participating in activities; the support from teachers and peers in class; specific subject matter; and listening comprehension skills. Based on the reality and revealed factors, some solutions are therefore proposed to help students develop their English speaking reflex.

Keywords: *Situation, English speaking reflexes, solutions, English language.*

¹Lớp Ngôn ngữ Anh 03 - K15, Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

²Lớp Ngôn ngữ Anh 02- K15, Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

³Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

*Email: Trungnguyen2592k2@gmail.com

1. GIỚI THIỆU

Trong tất cả các kỹ năng tiếng Anh như nghe, nói, đọc, viết, kỹ năng nói được xem là quan trọng và cần thiết trong giao tiếp, công việc và các hoạt động sinh hoạt khác. Nếu kỹ năng nói kém, đặc biệt là phản xạ kém sẽ ảnh hưởng rất lớn tới giao tiếp, đôi khi còn khiến cho những người giao

tiếp gây ra hiểu nhầm không đáng có. Trong công việc, phản xạ nói kém cũng khiến chúng ta hiểu sai về vấn đề gì đó, dẫn đến hành động không đạt đến kết quả mà mình mong đợi, cũng có thể khiến cho việc để đạt những mong muốn, nguyện vọng, nhu cầu của bản thân không thành công. Vì vậy, phản xạ nói tiếng Anh càng nên được chú

trọng đặc biệt với những nước tiếng Anh không phải là ngôn ngữ chính như Việt Nam.

Thông qua quan sát ban đầu về phản xạ nói của SV năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh - Khóa 15, nhóm nghiên cứu đã nhận thấy những bất cập trong phản xạ nói của SV. Chính vì vậy, việc hiểu rõ thực trạng và những yếu tố ảnh hưởng tới phản xạ nói của SV để đưa ra những đề xuất khắc phục là điều rất cần thiết. Thêm vào đó những nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung nghiên cứu về việc dạy và học kỹ năng nói, và đề cập đến phản xạ nói như một phần của việc phát triển kỹ năng nói hơn là nghiên cứu về phản xạ nói thể hiện trong cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Kỹ năng nói

Chaney (1998) cho rằng: *“Nói là quá trình xây dựng và chuyển nghĩa bằng cách sử dụng các dấu hiệu ngôn từ và phi ngôn từ. Nói có thể được coi là một quá trình tương tác dựng lên ý nghĩa chứa đựng thông tin sản xuất, tiếp nhận và xử lý”*. Theo từ điển Oxford, *“Nói là hành động truyền tải thông tin hoặc bày tỏ suy nghĩ và cảm xúc của một người bằng ngôn ngữ nói. Ngoài ra, nói được sử dụng để chỉ mức độ chính xác dự định trong một tuyên bố hoặc quan điểm mà từ đó nó được đưa ra”*. Trong cuốn sách *“Phát triển kỹ năng nói”* của Scheter (1999) ông đã đưa ra định nghĩa rằng: *“Nói là phát ra những từ bên ngoài hoặc phát âm rõ ràng, như con người để thể hiện nỗi niềm bằng lời nói, vì các cơ quan có thể bị cản trở mà một người có thể không nói được”*. Trong khi đó, COBUILD (2007) xác nhận rằng *“Nói là hoạt động của việc phát biểu và trò chuyện, để chỉ ra ý kiến mà bạn đang đưa ra”*.

Tuy nhiên, bên cạnh những định nghĩa được đưa bởi các tác giả về kỹ năng nói, thì “nói” còn được đánh giá là một kỹ năng khó, mà thậm chí chính sự nhìn nhận mang tính thiếu tích cực như vậy, khiến cho mọi người cảm thấy rụt rè mỗi khi nói. Theo Nguyễn Thị Diệu Huyền (2009) thì *“Nói một ngoại ngữ thông thường có vẻ khó hơn nhiều so với học viết và đọc nó, đặc biệt là đối với sinh viên không chuyên tiếng Anh năm nhất. Thông thường, những vấn đề quan trọng nhất mà mọi người gặp phải với ngôn ngữ nước ngoài đó là họ không thể nói ra suy nghĩ và ý tưởng của mình.”* Còn với Pollar (2008), *“nói là một trong những khía cạnh khó khăn nhất để sinh viên sinh viên có thể làm chủ.”*

2.2. Phương pháp dạy và học kỹ năng nói

Theo tác giả Huỳnh Thị Bích Vân (2014) về cách thức khuyến khích SV sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp cần phải thực hiện các nguyên tắc chung sau: 1. Tạo thành thói quen mở miệng là nói tiếng Anh; 2. Khuyến khích và thưởng phạt; 3. Cung cấp ngữ liệu cần thiết cho sinh viên; 4. Làm gương tốt. Theo Willis (1996), để học ngoại ngữ thành công, người học cần có 4 điều kiện: 1. Tiếp xúc với ngôn ngữ đang học dưới dạng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết; 2. Cơ hội để sử dụng ngoại ngữ bằng hình thức nghe, nói, đọc, viết để thực hiện mục đích giao tiếp nào đó; 3. Động lực học ngoại ngữ thể hiện ở việc tìm kiếm xử lý ngôn ngữ mà họ thu nhận từ người khác mà bản thân họ chưa

hiểu hết và thể hiện ở nỗ lực sử dụng ngôn ngữ đó; 4. Được học dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Một số phương pháp được áp dụng trong dạy nói như phương pháp Drilling nhằm tăng cường khả năng phát âm của học sinh thông qua việc sao chép và lặp lại các từ, cụm từ, câu hoặc cách nói (Thornbury, 2005). Phương pháp dạy học TBLT (Task-based Language Instruction) được Willis (1996) đề xuất là mô hình rõ ràng nhất và được các học giả tán đồng nhiều nhất. Bên cạnh TBLT, CLT (Communicative Language Teaching) cũng là một trong số những tiếp cận phổ biến trong việc dạy và học ngôn ngữ (Harmer, 2010). Ngoài ra, trong nghiên cứu của tác giả Rao (2018) đã đưa ra nhiều kỹ thuật và hoạt động khác nhau để dạy kỹ năng nói trong các lớp học tiếng Anh. Các hoạt động được thực hiện bởi người học trong lớp học tiếng Anh mang lại kết quả tích cực trong quá trình học kỹ năng nói bao gồm: JAM sessions, impromptu speech or extempore, information gap activities, role plays, talking circles, debates, group discussions, mock interviews, presentations.

2.3. Phản xạ nói tiếng Anh

Theo khái niệm được đề cập bởi nhóm tác giả Vũ Đình Bắc và Dương Thị Hoàng (2020): Phản xạ là phản ứng của cơ thể trước các kích thích của môi trường dưới sự điều khiển của hệ thần kinh. Theo Học viện nghiên cứu và đào tạo đánh vần tiếng Anh (2014), *“Phản xạ trong khi nói tiếng Anh bạn có thể hiểu đơn giản là việc người nghe có một hành động đáp lại một tác nhân kích thích một cách nhanh chóng, hành động này được thể hiện bằng lời nói đến người nói (Nói ra câu, ý mình muốn diễn đạt để phản hồi lại một tác nhân kích thích nào đó)”*.

Đặc điểm của phản xạ nói tiếng Anh

Phản xạ nói tiếng Anh có liên hệ chặt chẽ với khả năng tư duy tiếng Anh. Cụ thể, khả năng tư duy tiếng Anh là việc diễn đạt ý bằng ngôn ngữ tiếng Anh, quá trình này diễn ra trong suy nghĩ của người nói. Phản xạ nói tiếng Anh là một phần quan trọng của kỹ năng nói tiếng Anh. Theo Bygate (1987), kỹ năng nói là một trong những kỹ năng mang tính phản xạ, giúp người học sử dụng được ngoại ngữ để bày tỏ ý kiến, suy nghĩ và cảm xúc với người đối diện, người nghe.

Theo tác giả Huỳnh Thị Bích Vân (2014) *“tiếng Anh cũng như các ngoại ngữ khác, nếu người học không thực hành, không sử dụng thường xuyên sẽ quên hoặc biến thành “ngôn ngữ thụ động.”* Nhóm tác giả Vũ Đình Bắc và Dương Thị Hoàng (2020) khi áp dụng phương pháp tranh luận để nâng cao phản xạ nói tiếng Anh cũng đã nhấn mạnh: *“Mặc dù SV có kiến thức tốt về từ vựng và ngữ pháp, họ không thể bày tỏ ý kiến do thiếu thực hành thường xuyên cũng như cơ hội giao tiếp với người nước ngoài. Điều đó dẫn đến phản xạ nói của SV bị hạn chế.”*

Các yếu tố ảnh hưởng đến phản xạ nói tiếng Anh

Theo tác giả Lê Hương Hoa (2018), các yếu tố ảnh hưởng tới phản xạ nói bao gồm: động lực học tập tiếng Anh của sinh viên; chương trình học tập; xây dựng quy chuẩn về năng lực giao tiếp tiếng Anh; đặc tính ngôn ngữ; yếu tố tâm lý; đặc tính văn hóa xã hội; môi trường giao tiếp.

Theo nghiên cứu của tác giả Trương Trần Minh Nhật (2018), những lí do khiến của việc nói tiếng Anh kém của SV bao gồm: trình độ và nền tảng tiếng Anh của SV không đồng đều; chương trình giảng dạy chưa quan tâm, chú ý đến kỹ năng nói; thời lượng dành cho kỹ năng nói trong lớp học còn hạn chế trong khi khối lượng kiến thức lớn dẫn đến SV khó tiếp thu hết và vận dụng thành thạo; chưa tạo được môi trường luyện tập anh ngữ hiệu quả, chủ động.

Qua nhiều nghiên cứu về quá trình học ngôn ngữ thứ hai, các nhà ngôn ngữ đã khái quát được 3 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến thành công hay thất bại của việc học ngôn ngữ thứ hai hay ngoại ngữ bao gồm: 1. Bối cảnh của người học hay điều kiện học tập, điều kiện được tiếp xúc với môi trường ngôn ngữ tự nhiên. (Beebe, 1985); 2. Bối cảnh xã hội gồm thái độ và động lực học tập. (Gardner, 1980); 3. Đặc điểm của người học như năng khiếu, trình độ hiểu biết và khả năng sử dụng tiếng mẹ đẻ, chỉ số thông minh... (Cummins, 1981).

Phương pháp cải thiện phản xạ nói tiếng Anh

Nhóm tác giả Vũ Đình Bắc và Dương Thị Hoàng (2020) đã nghiên cứu một phương pháp giúp cải thiện khả năng phản xạ nói tiếng Anh - phương pháp tranh luận. Học viện Nghiên cứu và Đào tạo Đánh vần Tiếng Anh (2014) đã đề xuất một phương pháp giúp cải thiện khả năng phản xạ nói tiếng Anh, đó là phương pháp rèn luyện phản xạ tiếng Anh qua ảnh. Rice (2018) đã thực hiện nghiên cứu về việc sử dụng Clickers trong lớp học để rèn luyện phản xạ nói cho SV nhằm khắc phục những khó khăn trong việc tiếp nhận một lượng lớn những phản hồi của SV trong giờ học.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Công cụ thu thập dữ liệu

3.1.1. Khảo sát

Để thu thập dữ liệu đánh giá, nhóm nghiên cứu đã tiến hành thu thập dữ liệu qua bảng câu hỏi khảo sát, được thiết kế dựa trên tiện ích Google Form. Cấu trúc bảng câu hỏi khảo sát gồm 4 phần: Phần 1 (gồm 9 câu hỏi) tìm hiểu thực trạng phản xạ nói tiếng Anh của SV, Phần 2 (gồm 12 câu hỏi) tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến phản xạ nói tiếng Anh, Phần 3 (gồm 2 câu hỏi) tìm hiểu quan điểm, suy nghĩ của SV về phản xạ nói Tiếng Anh, và Phần 4 gồm các thông tin cá nhân của SV.

3.1.2. Quan sát

Mỗi thành viên của nhóm nghiên cứu thay phiên nhau thực hiện quan sát ở 8 lớp ngành Ngôn ngữ Anh, năm thứ 2 trong tất cả các học phần thực hành tiếng: nghe, nói, đọc, viết. Nhóm nghiên cứu đã xin phép giảng viên (GV) trước khi tiến hành quan sát lớp học. Trong quá trình quan sát, nhóm nghiên cứu xin phép được ghi hình đồng thời ghi chép lại hoạt động của SV và GV trong tiết học đó dựa trên bảng tiêu chí quan sát. Bảng tiêu chí được xây dựng dựa trên tham khảo nghiên cứu của tác giả Trương Trần Minh Nhật (2018); Vũ Đình Bắc và Dương Thị Hoàng (2020); Rustandi (2017); và Học viện nghiên cứu và đào tạo đánh vần tiếng Anh (2014). Các tiêu chí quan sát chủ yếu tập

trung vào ngôn ngữ (trong đó bao gồm kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ và phản xạ), hành vi, thái độ SV thể hiện trong giờ học, và kỹ thuật giảng dạy của GV.

3.1.3. Phỏng vấn

Nhóm nghiên cứu tiến hành phỏng vấn giảng viên và SV theo hình thức trực tuyến, qua nền tảng Microsoft Teams hoặc Zoom do dịch bệnh COVID-19 với hình thức phỏng vấn bán cấu trúc và được ghi hình phục vụ việc phân tích dữ liệu. Với việc phỏng vấn GV, mỗi buổi phỏng vấn diễn ra từ 30 - 45 phút. Trong quá trình phỏng vấn, thành viên nhóm nghiên cứu đã ghi chép lại nội dung câu trả lời của GV.

Với việc phỏng vấn SV, các thành viên trong nhóm nghiên cứu đã liên hệ trực tiếp với các SV đồng ý tham gia vào vòng phỏng vấn sau khi thực hiện khảo sát để xác nhận tham gia phỏng vấn. Việc phỏng vấn được thực hiện với 25 SV, chia thành 5 nhóm. Thời lượng cho một ca phỏng vấn là từ 25 - 30 phút. Nội dung phỏng vấn GV và SV đều xoay quanh 3 vấn đề: 1. Thực trạng phản xạ nói tiếng Anh; 2. Yếu tố ảnh hưởng đến phản xạ nói tiếng Anh; 3. Giải pháp phát triển phản xạ nói tiếng Anh.

3.2. Phương pháp thu thập dữ liệu

Việc quan sát lớp học được tiến hành từ ngày 15/10/2021 - 15/12/2021. Bảng câu hỏi khảo sát được gửi trực tuyến để thu thập dữ liệu cho 193 SV năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh. Nhóm nghiên cứu đã thu được 141 phiếu hợp lệ để phân tích. Sau khảo sát, nhóm nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 8 GV giảng dạy trong kỳ 1 năm học 2021 - 2022, và 25 SV đã để lại thông tin liên lạc và đồng ý tham gia vào vòng phỏng vấn.

3.3. Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu khảo sát được nhóm nghiên cứu sử dụng phần mềm trang tính Excel để xử lý thành dạng số liệu theo tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình và được trình bày theo hình thức biểu đồ hoặc bảng thống kê. Dữ liệu quan sát được nhóm nghiên cứu sử dụng phần mềm Excel để xử lý thành số liệu trung bình chung cho mỗi môn học ở mỗi lớp khác nhau, từ đó tìm ra xu hướng nổi bật cho toàn khóa, đồng thời nhóm nghiên cứu tìm ra những đặc điểm chung nổi bật trong quá trình ghi chép quan sát các lớp. Dữ liệu phỏng vấn SV, GV được nhóm nghiên cứu ghi hình, ghi chép lại toàn bộ, tìm ra những đặc điểm chung nổi bật trong các câu trả lời, sau đó kết hợp cùng số liệu cụ thể thu thập từ khảo sát, quan sát lớp học để đưa ra kết luận.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Thực trạng về phản xạ nói tiếng Anh của sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Kết quả, dữ liệu trong biểu đồ trên cho thấy đa phần SV đều có quan điểm chung rằng cơ hội tham gia phản xạ được tạo ra nhiều, và SV đều có cơ hội để phản xạ trong lớp học. Cụ thể, 48,2% SV chọn phương án là thỉnh thoảng (mức 3) và 47,6% chọn phương án thường xuyên (mức 4) và

luôn luôn (mức 5). Tuy nhiên, việc chuẩn bị bài trước khi tham gia vào bài học trên lớp chưa được thực hiện một cách thường xuyên. Bên cạnh đó, mặc dù SV học chuyên ngành tiếng Anh, nhưng theo kết quả khảo sát cho thấy nhiều SV tư duy bằng tiếng Việt và dịch sang tiếng Anh trước khi phản xạ.

Bảng 1. Kết quả khảo sát về thực trạng phản xạ nói tiếng Anh của sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

STT	Câu hỏi	Mức độ/ Phần trăm				
		1	2	3	4	5
1	Bạn có cơ hội để tham gia phản xạ trong giờ học	0	4,2	48,2	36,1	11,5
2	Bạn chuẩn bị trước khi tham gia phản xạ trong giờ học	1,4	12	53,9	24,8	7,9
3	Bạn tư duy bằng tiếng Việt và dịch sang tiếng Anh trước khi tham gia phản xạ	0	8,5	24,8	46	20,7
4	Bạn sử dụng tiếng Việt khi tương tác, thảo luận với bạn cùng lớp trong các hoạt động	0	7,8	35,4	41,1	15,7
5	Bạn tương tác với bạn cùng lớp trong giờ học	0	3,5	31,9	43,2	21,4
6	Bạn chủ động tham gia phản xạ trong giờ học	2,1	19,1	48,2	25,5	5,1
7	Bạn thấy tự tin mỗi khi tham gia phản xạ trong giờ học	12,7	26,9	37,5	19,1	3,8
8	Bạn tham gia tương tác ngay sau khi đã hiểu câu hỏi hoặc yêu cầu thực hiện hoạt động	1,4	19,1	38,2	33,3	8
9	Bạn phản xạ tức thì ngay cả khi rơi vào tình huống bất ngờ/ bị động	6,4	29,1	36,1	22,0	6,4

Ngoài ra, khi đề cập tới việc “sử dụng tiếng Việt khi tương tác, thảo luận với bạn cùng lớp trong các hoạt động”, đa phần SV đều phản hồi rằng sinh viên thường xuyên sử dụng tiếng Việt để tương tác và thảo luận, cụ thể có tới 56,8% SV lựa chọn mức thường xuyên và luôn luôn. Số lượng SV khẳng định có tương tác với thành viên trong lớp cũng tương đối cao (64,8%) trong khi mức độ chủ động tham gia phản xạ của SV chưa thực sự cao.

Với câu hỏi “bạn thấy tự tin mỗi khi tham gia phản xạ trong giờ học”, kết quả cho thấy 77,1% tổng số SV chọn mức độ không bao giờ, hiếm khi và thỉnh thoảng. Điều này chứng tỏ nhiều SV chưa tự tin. Bên cạnh đó, mặc dù gần một nửa số SV khẳng định việc tham gia phản xạ ngay khi đã hiểu câu hỏi hoặc yêu cầu thực hiện hoạt động, nhưng khi rơi vào tình huống bất ngờ/ bị động thì sinh viên thì có tới 35,5% chọn mức không bao giờ và hiếm khi.

Ngoài ra, dựa vào quá trình quan sát lớp học về việc phản xạ tiếng Anh của các SV tại 8 lớp học thông qua 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong chương trình học kỳ 3. Kết quả quan sát đã chỉ ra được thực trạng phản xạ nói tiếng Anh vẫn còn tồn tại rất nhiều khiếm khuyết như việc sử

dụng tiếng Việt vẫn còn tồn tại khá nhiều. Mặc dù cơ hội phản xạ được tạo ra trong các giờ học, SV chưa biết tận dụng cơ hội để phản xạ, đồng thời mức độ chủ động và mức độ tự tin khi tham gia phản xạ còn thấp, độ chính xác về phát âm, ngữ pháp, cũng như độ trôi chảy khi phản xạ nói tiếng Anh chưa được đánh giá ở mức độ tốt, kéo theo tốc độ phản xạ của SV cũng bị trì hoãn rất nhiều. Thêm vào đó, mức độ nghe hiểu câu hỏi của SV chỉ dừng lại ở mức trung bình khá, một phần dựa vào năng lực của SV, với các SV năng lực tốt kỹ năng nghe hiểu sẽ ảnh hưởng ít nhiều tới việc phản xạ nói tiếng Anh của SV.

Kết hợp cùng kết quả phỏng vấn GV và SV nhóm nghiên cứu nhận thấy 100% SV tham gia phỏng vấn cho rằng, tốc độ phản xạ của SV Khóa 15 ngành Ngôn ngữ Anh trường ĐHCNHN chưa được tốt. GV T1 chia sẻ: “SV phản xạ tương đối chậm.” GV T2 khẳng định điều tương tự: “SV phản xạ chậm nhưng đúng trọng tâm, tuy nhiên do học trực tuyến nên các bạn gặp một số vấn đề như đường truyền mạng, dẫn tới việc phản xạ chưa đúng trọng tâm.” Về mức độ trả lời đúng trọng tâm của SV, hầu hết các GV đều nói rằng SV của mình trả lời đúng trọng tâm. GV T5 nhận định: “Về cơ bản phần đa phản hồi đúng trọng tâm do kiến thức ngôn ngữ không quá là phức tạp. Chỉ có không tập trung thì mới không phản xạ được”. Cùng với dữ liệu được ghi chép lại từ các cuộc phỏng vấn cho thấy GV ít khi sử dụng tiếng Việt để giao tiếp với SV trong lớp (trừ phần kiến thức đặc thù khó để SV hiểu). Ngoài ra, GV còn chỉ ra rằng hầu hết trong các hoạt động nhóm, đa phần SV có xu hướng sử dụng tiếng Việt để tham gia phản xạ, phần nhỏ sử dụng tiếng Anh nhưng cũng dần dần bỏ qua việc phản xạ bằng tiếng Anh. GV T6 chia sẻ: “Không có GV thì SV nói bằng tiếng Việt, có thể các bạn tra từ vựng hoặc thảo luận trước bằng tiếng Việt”. GV T7 nhấn mạnh: “Các bạn dùng cả tiếng Anh và tiếng Việt. Không phải do thói quen nhưng hầu như các bạn gặp khó khăn trong việc diễn đạt do thiếu vốn từ vựng và ngữ pháp”.

Còn với SV, khi trả lời câu hỏi liên quan đến khả năng phản xạ cũng như tốc độ phản xạ của bản thân thì có 20 SV cho rằng khả năng phản xạ và tốc độ phản xạ của mình đang ở mức kém. SV2 chia sẻ: “Khả năng phản xạ tiếng Anh ở mức trung bình, đã tiếp thu được câu hỏi khi có người hỏi nhưng cần khoảng thời gian dài để suy nghĩ câu trả lời.” 5 SV còn lại nhận thấy khả năng và tốc độ phản xạ của mình ở mức khá. Hầu hết những SV này đều nhận thấy mình có nền tảng phát âm và vốn tư duy về ngôn ngữ ở mức khá. SV19 cho biết: “Nếu để đánh giá về khả năng và tốc độ thì SV19 cảm thấy mình ở mức khá và bản thân tự nhận thấy có nền tảng phát âm tốt. Ngay khi nghe xong câu hỏi gần như sẽ có câu trả lời ngay lập tức và đúng trọng tâm. Tuy nhiên chưa được đi sâu và đi vào thực tế”. Tuy khả năng và tốc độ phản xạ của phần lớn SV chưa thực sự tốt, mức độ trả lời câu hỏi đúng trọng tâm lại ngược lại.

Sau khi được hỏi những câu hỏi về mức độ trả lời câu hỏi đúng trọng tâm có đến 14 SV nhận xét câu trả lời được đưa ra là đúng trọng tâm. Mặc dù vẫn còn nhiều hạn chế như trả lời ngắn, trả lời đúng trọng tâm nhưng muốn dẫn

vấn đề đi xa làm câu trả lời lan man, trả lời không sâu. Tần suất tham gia phản xạ có sự chênh lệch ở các môn. 100% SV khẳng định rằng giữa giờ học nghe nói với giờ học đọc viết thì tần suất tham gia sẽ được phân bổ chủ yếu ở giờ học nghe nói. Điều này dễ hiểu khi đặc thù môn học có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành thói quen tham gia phản xạ ở SV.

Như vậy dựa trên kết quả dữ liệu từ các nguồn của các công cụ khảo sát: bảng câu hỏi khảo sát, quan sát lớp học, và phỏng vấn, nhóm nghiên cứu có thể kết luận rằng: thực trạng phản xạ nói tiếng Anh của SV năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh khóa 15 Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội còn chậm, mặc dù nhìn chung SV nghe hiểu được câu hỏi/yêu cầu/ nhiệm vụ nhưng vẫn cần nhiều thời gian để phản hồi. Cơ hội phản xạ chưa được SV tận dụng một cách tối đa trong các môn học để rèn luyện phản xạ. SV có xu hướng coi trọng việc rèn luyện phản xạ và tương tác nhiều hơn trong kỹ năng nói hơn các kỹ năng nghe, đọc, viết; chưa chủ động và tự tin khi tham gia phản xạ, còn sử dụng tiếng Việt nhiều trong quá trình tương tác với bạn cùng lớp, đặc biệt khi không có GV giám sát. Những SV thể hiện tốc độ phản xạ nhanh và chủ động là những SV có năng lực ngôn ngữ khá, giỏi, trong khi độ chính xác và trôi chảy trong việc sử dụng ngôn ngữ nhìn chung chưa thể hiện ở mức cao trong toàn khóa.

4.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến phản xạ nói tiếng Anh của sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Bảng 2. Kết quả khảo sát về những yếu tố ảnh hưởng đến phản xạ nói tiếng Anh của sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

STT	Câu hỏi	Mức độ/ Phần trăm				
		1	2	3	4	5
1	Bạn nghe được và hiểu rõ các thông tin từ giáo viên và bạn học trong tiết học	0	3,5	29,8	47,5	19,2
2	Tư duy bằng tiếng Việt trước khi phản xạ giúp bạn nói tốt hơn	5	6,4	37,6	41,1	9,9
3	Bạn tham gia nói trong các hoạt động vì hoạt động phù hợp với khả năng của bạn	1,4	5,7	37,6	46,1	9,2
4	Bạn tham gia nói trong các hoạt động vì các thành viên trong lớp học tích cực tham gia	1,4	13,5	43,3	32,6	9,2
5	Bạn được giáo viên hỗ trợ, gợi ý khi trả lời câu hỏi hoặc tham gia các hoạt động	1,4	20,6	49,6	28,4	0
6	Bạn được các bạn cùng lớp hỗ trợ tương tác trong các hoạt động	0,7	7,1	33,3	46,1	12,8
7	Bạn không gặp khó khăn về từ vựng khi tham gia phản xạ	12,1	34	37,6	13,5	2,8
8	Bạn không gặp khó khăn về ngữ pháp khi tham gia phản xạ	7,8	27	45,4	17	2,8
9	Bạn không gặp khó khăn về phát âm khi tham gia phản xạ	8,5	24,1	41,8	21,3	4,3

10	Bạn không gặp khó khăn về ý tưởng khi tham gia phản xạ	9,9	27	42,6	18,4	2,1
11	Bạn không sợ mắc lỗi khi phản xạ trong giờ học	12,1	21,3	36,9	21,2	8,5
12	Bạn dành thời gian để thực hành nói tiếng Anh sau giờ học	5	16,3	55,3	19,9	3,5

Kết quả, dữ liệu trong biểu đồ trên cho thấy khi GV và các bạn cùng lớp đưa ra những thông tin, thì hầu hết SV đều nghe và hiểu được, số liệu cụ thể là 66,7% đối với 2 mức độ trên, 3,5% SV không đồng ý, và 29,8% SV ở mức độ trung lập. Hầu hết SV đều cho rằng SV tham gia nói trong các hoạt động vì hoạt động phù hợp với khả năng và vì các thành viên trong lớp học tích cực tham gia. Tuy nhiên nhiều SV vẫn có tâm lý sợ sai, nhiều SV vẫn còn sợ mắc lỗi khi tham gia phản xạ nói, điều này cản trở SV tham gia phản xạ trong các hoạt động.

Mặc dù SV học ngành Ngôn ngữ Anh nhưng vẫn có thói quen thường xuyên tư duy bằng tiếng Việt trước khi phản xạ. Một số lượng SV chưa nhận được nhiều sự hỗ trợ từ phía GV khi tham gia phản xạ trong khi phần lớn SV có xu hướng hỗ trợ nhau trong các hoạt động. Bên cạnh đó, kết quả cho thấy một số lượng lớn SV cho rằng từ vựng, ngữ pháp, phát âm, ý tưởng, của mình đều chưa thực sự tốt, thêm vào đó SV chưa thực sự dành thời gian để thực hành nói tiếng Anh sau giờ học. Điều này chứng tỏ kiến thức tiếng Anh, kiến thức xã hội (thể hiện qua ý tưởng nói) và việc thực hành đóng vai trò quan trọng với phản xạ nói của SV.

Bên cạnh 12 câu hỏi nhằm tìm hiểu về các yếu tố ảnh hưởng đến phản xạ nói được đưa ra ở phần 2 trong phiếu khảo sát, nhóm nghiên cứu đã đưa ra thêm hai câu hỏi để tìm hiểu quan điểm của SV về tầm quan trọng của phản xạ nói tiếng Anh và các yếu tố ảnh hưởng đến phản xạ nói tiếng Anh. Khi được hỏi về tầm quan trọng của phản xạ nói tiếng Anh, SV đều nhận thức rất rõ vai trò của phản xạ nói trong giao tiếp. Với câu hỏi về những nguyên nhân dẫn đến phản xạ nói tiếng Anh kém, kết quả thu được như sau:

Bảng 3. Quan điểm của SV về các yếu tố ảnh hưởng đến phản xạ nói tiếng Anh

STT	Yếu tố ảnh hưởng	Tỷ lệ %
1	Thiếu từ vựng	67,4
2	Thiếu ý tưởng	59,6
3	Sợ mắc lỗi (phát âm, ngữ pháp, diễn đạt...)	56
4	Thói quen tư duy bằng tiếng Việt	53,9
5	Kỹ năng nghe kém	53,2
6	Môi trường giao tiếp hạn chế (lớp học không sôi nổi, tích cực...)	48,9
7	Không luyện tập ngoài giờ học	47,5
8	Chưa có động lực học tập	31,9
9	Hoạt động học tập không phù hợp với khả năng	18,4
10	Không được hỗ trợ từ giáo viên, bạn bè	7,8

Hầu hết sinh viên chọn yếu tố, thiếu từ vựng, ý tưởng, cụ thể 67,4% với thiếu từ vựng và 59,6% với thiếu ý tưởng, tương quan với kết quả khảo sát ở phần 1, SV gặp rất nhiều khó khăn về ngôn ngữ bao gồm: từ vựng, ngữ pháp, phát âm, ý tưởng... Tiếp theo, về tâm lý sợ sai của SV cũng chiếm số liệu cao (56%), cũng giống như kết quả khảo sát tại phần 1, đa phần SV đều có tâm lý sợ sai khi tham gia phản xạ nói tiếng Anh. Và SV đều cho rằng tư duy bằng tiếng Việt trước khi phản xạ giúp họ nói tốt hơn, thì ở phần này khi nhắc về thói quen tư duy tiếng Việt là nguyên nhân đứng thứ 4 trong bảng quan sát các yếu tố ảnh hưởng chiếm 53,9%, điều này chứng tỏ tư duy bằng tiếng Việt ảnh hưởng khá nhiều đến việc phản xạ nói. Với kỹ năng nghe, SV đã bình chọn đây là một yếu tố không hề kém phần quan trọng đối với phản xạ nói, chiếm 53,2%. Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát thì hầu hết SV không thể hiện khó khăn với việc nghe hiểu trong quá trình học trên lớp. Môi trường giao tiếp hạn chế và việc không luyện tập ngoài giờ học cũng là những yếu tố được SV đánh giá cao với số liệu lần lượt là 48,9% và 47,5%. Các yếu tố liên quan đến động lực học tập, độ khó của hoạt động và sự hỗ trợ từ GV và bạn bè được đánh giá ở mức thấp hơn (31,9%, 18,4% và 7,8%).

Ngoài ra, trong quá trình quan sát, nhóm nghiên cứu nhận thấy còn nhiều SV vẫn mắc lỗi về ngôn ngữ khi tham gia phản xạ. Mặc dù phần lớn SV không gặp khó khăn khi nghe hướng dẫn và yêu cầu thực hiện hoạt động của GV, nhiều SV vẫn không chủ động tham gia phản xạ khi được GV hỏi, chỉ khi GV gọi tên thì SV mới trả lời. Khi trả lời có SV vẫn ngập ngừng, gặp khó khăn về diễn đạt ý tưởng. Nhiều SV tắt camera trong quá trình học, kể cả khi học kỹ năng nói. Như vậy, qua quá trình quan sát lớp học, nhóm nghiên cứu nhận thấy yếu tố môi trường trực tuyến cũng ảnh hưởng rất lớn tới việc phản xạ nói tiếng Anh của SV. Môi trường học trực tuyến gây khó khăn cho GV trong việc quản lý và kiểm soát toàn bộ lớp học, dẫn đến việc SV có thể làm việc riêng, không chú ý, bị phân tâm và không chủ động tham gia phản xạ, dẫn đến sự gián đoạn trong việc thực hiện các hoạt động và khó phát triển phản xạ nói cho SV.

Ngoài ra, kết hợp cùng với kết quả phỏng vấn GV và SV cũng đã chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng tới phản xạ nói tiếng Anh thì các yếu tố ảnh hưởng bao gồm: Chưa có ý thức chủ động, hình thành thói quen trau dồi năng lực tiếng, kiến thức nền và tư duy phân biện còn yếu, tâm lý sợ sai, môi trường học tập, ít luyện tập nói, kỹ năng nghe chưa tốt.

Như vậy dựa trên kết quả dữ liệu từ các nguồn của các công cụ khảo sát: bảng câu hỏi khảo sát, quan sát lớp học, và phỏng vấn, nhóm nghiên cứu đã rút ra những yếu tố ảnh hưởng đến phản xạ nói tiếng Anh của SV như sau:

Kiến thức ngôn ngữ, xã hội

Kiến thức ngôn ngữ, xã hội là một trong những yếu tố ảnh hưởng nhất đối với việc phản xạ nói của SV năm thứ hai, ngành Ngôn ngữ Anh, trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Nhiều SV cho rằng họ còn tồn tại nhiều khó khăn như: thiếu từ vựng, thiếu ý tưởng, phát âm kém, chưa sử dụng

đa dạng các cấu trúc ngữ pháp... Mà để có kỹ năng phản xạ tốt, đòi hỏi sinh viên phải có một vốn từ vựng đa dạng, ý tưởng phong phú, linh hoạt trong việc sử dụng cấu trúc ngữ pháp... Nếu SV chưa có nền tảng tốt về các kiến thức ngôn ngữ, xã hội thì trong quá trình tham gia phản xạ nói tiếng Anh sẽ gặp không ít trở ngại khi thực hiện phản xạ nói: không có đủ vốn từ để diễn đạt, thiếu ý tưởng để trả lời câu hỏi, chuyển tải chưa đúng ý nghĩa và nội dung cần trao đổi, ảnh hưởng đến quá trình diễn đạt thông tin trong giao tiếp, thậm chí còn khó hiểu và dễ gây hiểu nhầm.

Tâm lý sợ sai, thụ động

Yếu tố tâm lý có ảnh hưởng trực tiếp đến việc phản xạ nói tiếng Anh của SV, đặc biệt trong quá trình giao tiếp. Yếu tố này thường được biểu lộ qua rất nhiều cách khác nhau của bản thân sinh viên: qua mức độ chủ động tham gia các nhiệm vụ mà GV giao, qua việc luyện tập thực hành của SV, sự lo âu (hay sự ngập ngừng, lúng túng) mỗi khi tham gia phản xạ nói. Chính tâm lý sợ mắc lỗi và chưa tạo cho bản thân thói quen chủ động tham gia phản xạ, tương tác trong các hoạt động dẫn đến thời lượng thực hành nói ít, ảnh hưởng đến tốc độ phản xạ của SV.

Môi trường học tập

Yếu tố môi trường học tập có ảnh hưởng không nhỏ đến phản xạ nói tiếng Anh của SV. Cùng với việc quan sát lớp học và phỏng vấn, nhóm nghiên cứu nhận thấy SV có xu hướng bị ảnh hưởng bởi các thành viên trong lớp học và môi trường học trực tuyến. Những lớp có nhiều SV tích cực sẽ tạo động lực cho các thành viên khác tham gia tương tác, thực hành phản xạ, hoặc SV có xu hướng không tham gia phản xạ khi thành viên trong nhóm không tham gia. Bên cạnh đó, môi trường học trực tuyến cũng gây khó khăn cho GV trong việc quản lý và kiểm soát toàn bộ lớp học, dẫn đến việc SV có thể tắt camera, làm việc riêng, không chú ý, bị phân tâm và không chủ động tham gia phản xạ, dẫn đến sự gián đoạn trong việc thực hiện các hoạt động và khó phát triển phản xạ nói cho SV. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến phản xạ nói của SV trong các giờ học.

Mức độ phù hợp của hoạt động với năng lực

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng phần lớn SV quan tâm tới mức độ của hoạt động, cho nên SV sẽ có xu hướng tham gia nói khi hoạt động đó phù hợp với khả năng của mình. Thỉnh thoảng, gặp những hoạt động khó, hoặc vượt quá năng lực của bản thân, SV sẽ không ngay lập tức phản xạ mà sẽ mất thời gian cho việc suy nghĩ để đưa ra ý tưởng và không tham gia tích cực hoặc thậm chí không tham gia phản xạ.

Chuẩn bị bài và thực hành ngoài giờ

Theo kết quả phân tích của nghiên cứu, ý thức tự thực hành và chuẩn bị ngoài giờ học của SV còn chưa cao và cũng chính điều này đã ảnh hưởng tới vấn đề phản xạ của SV. Khác với các ngành học khác, nhu cầu giao tiếp, phản xạ bằng tiếng Anh của SV ngành Ngôn ngữ Anh là vô cùng cần thiết, tuy nhiên còn một số SV chưa ý thức được tầm

quan trọng của phản xạ nói tiếng Anh đối với việc học tập và nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu thực tế và tương lai sau này, hoặc một số SV có nhận thức tốt về tầm quan trọng của phản xạ nói, nhưng lại chưa có phương pháp thực hành và chuẩn bị hiệu quả dẫn đến mặc dù SV có chuẩn bị bài nhưng chưa áp dụng được tối đa nội dung đã chuẩn bị vào các giờ học trên lớp, dẫn đến mất nhiều thời gian để nhớ lại nội dung đã chuẩn bị, ảnh hưởng đến tốc độ và chất lượng phản xạ SV ít thực hành ngoài giờ dẫn đến cơ hội sử dụng ngôn ngữ bị hạn chế, dẫn đến sự lúng túng, thiếu tự tin khi tham gia phản xạ.

Thói quen tư duy và sử dụng tiếng Việt

Khi học tiếng Anh, người học thường có xu hướng bị ảnh hưởng bởi tiếng mẹ đẻ. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: một số lượng lớn SV có thói tư duy bằng tiếng Việt và dịch sang tiếng Anh trước khi phản xạ, yếu tố này khiến SV mất thời gian để chuyển dịch ngôn ngữ, đồng thời hình thành thói quen khó sửa chữa và sẽ khiến việc sử dụng tiếng Anh của SV bị ảnh hưởng bởi tiếng Việt, do đó khó có thể phản xạ bằng tiếng Anh nhanh trong quá trình giao tiếp.

Sự hỗ trợ từ giảng viên và sinh viên trong lớp

Kết quả nghiên cứu cho thấy một số lượng không nhỏ SV chưa nhận được sự hỗ trợ từ giảng viên trong khi nhận được sự hỗ trợ nhiều hơn từ bạn cùng lớp. Điều này có thể do môi trường học trực tuyến dẫn đến việc GV không thể hỗ trợ tất cả các SV trong lớp trong các giờ học. Mặc dù GV có dành thời gian để hỗ trợ các SV có năng lực ngôn ngữ kém hơn trong lớp nhưng do thời lượng học trên lớp hạn chế dẫn đến việc GV không dành được nhiều thời gian để hỗ trợ những bạn này. Ngoài ra, SV thường sẽ phản xạ bằng tiếng Anh khi GV tham gia vào phòng học trực tuyến, trong khi thảo luận với các thành viên trong nhóm bằng tiếng Việt trước khi phản xạ. Điều này chứng tỏ nếu có sự phối hợp trợ giúp giữa GV và bạn cùng lớp thì SV sẽ chủ động hơn trong việc tham gia phản xạ.

Đặc thù môn học

Mỗi môn học đều có một đặc thù riêng về nhiệm vụ, cách thức làm việc, tương tác, và có ảnh hưởng khác nhau đến việc rèn luyện phản xạ nói. Kết quả nghiên cứu cho thấy trong kỹ năng nói, SV có nhiều thời gian để thực hiện các hoạt động nói, do đó SV bắt buộc phải phản xạ, tương tác. Với các kỹ năng còn lại như nghe, đọc, viết; SV còn chưa thực sự chú trọng vào việc tận dụng cơ hội để luyện phản xạ nói tiếng Anh, điều này dẫn đến sinh viên dần mất đi tính chủ động và cơ hội thực hành phản xạ nói trong các kỹ năng này.

Kỹ năng nghe hiểu

Hầu hết SV đều nghe và hiểu những nhiệm vụ mà GV đưa ra, tuy nhiên vẫn còn một số lượng SV phản ánh về việc gặp khó khăn trong quá trình nghe hiểu trước khi thực hiện phản xạ, dẫn đến việc chưa hiểu rõ nhiệm vụ GV giao hoặc không hiểu rõ ý tưởng của thành viên trong lớp dẫn đến phản xạ không hiệu quả.

4.3. Đề xuất những giải pháp phát triển phản xạ nói tiếng Anh của sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

4.3.1. Kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ

Kết quả nghiên cứu cho thấy SV còn gặp nhiều khó khăn về kiến thức tiếng Anh như thiếu từ vựng, còn mắc lỗi sai ngữ pháp, phát âm, chưa tự tin khi phản xạ, đồng thời thời lượng dành cho chuẩn bị và thực hành nói ngoài giờ học còn hạn chế. Do đó SV có thể chủ động thực hành, nâng cao năng lực ngôn ngữ và phản xạ nói thông qua sự trợ giúp của những nền tảng hữu ích của mạng Internet ngoài việc học trên lớp để tăng cơ hội sử dụng tiếng Anh. Nhóm nghiên cứu đề xuất một số nền tảng số như:

+ Cambly English Tutors Online (<https://www.cambly.com/english?lang=vi>): Cambly là nền tảng cho phép chúng ta kết nối trực tiếp với các gia sư bản xứ trên khắp thế giới, thông qua cuộc gọi trực tuyến, đa phần các gia sư là người Mỹ, Anh, Úc, New Zealand, Canada, Ireland,... đã được Cambly sàng lọc có chất lượng (hơn 10.000 gia sư đang sống và làm việc khắp nơi trên thế giới, có cả ở Việt Nam). Nền tảng này giúp SV dần dần giải quyết vấn đề tư duy bằng tiếng Việt, giúp SV chủ động hơn khi tham gia phản xạ nói cũng như cải thiện kỹ năng nghe vì nền tảng yêu cầu SV phải vận dụng tiếng Anh một cách triệt để ở mọi phương diện.

+ Speaking9 (<https://speaking9.com/>): Với website này, các câu hỏi sẽ được đưa ra, SV có 5 giây để trả lời cho mỗi câu hỏi. Sau khi trả lời xong, SV có thể tự mình nghe lại để nhận biết lỗi sai và đưa ra hướng khắc phục. Nền tảng này, được thiết kế bao gồm 3 phần nằm trong bài thi chứng chỉ IELTS kỹ năng nói (IELTS Speaking Test). Từ đó, SV có thể cải thiện tốc độ phản xạ, bổ sung kiến thức nền về ngôn ngữ và xã hội, đặc biệt là tâm lý sợ sai, vì SV có thể luyện tập một mình với sự trợ giúp của trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence).

Ngoài những nền tảng trên, nhóm nghiên cứu đề xuất Phương pháp lập gián đoạn (Spaced Repetition) - của Hermann Ebbinghaus, phương pháp được coi là giải pháp tối ưu cho những SV gặp vấn đề trong quá trình ghi nhớ và thu thập kiến thức, đặc biệt là từ vựng. Phương pháp này được miêu tả là mỗi ngày SV sẽ đặt ra cho mình một, một vài mục tiêu cụ thể hướng tới từ vựng, sau đó học một số từ nhất định nhưng không nên quá nhiều. Trong thời gian bắt đầu thực hiện phương pháp này, sinh viên có thể học một đến hai từ và sau khoảng một đến hai tiếng SV nhắc lại từ vựng ấy và học thêm một đến hai từ nữa. Cứ tiếp tục như vậy, SV không những học từ mới và tiếp tục nhắc lại những từ cũ. Tuy rằng, thời gian đầu SV sẽ cảm thấy khó để kiểm soát thời gian, khó để kiểm soát khối kiến thức lớn tích lũy trong thời gian dài và nhàm chán. Nhưng sau quãng thời gian đó vốn từ vựng của SV sẽ được nâng cao một cách rõ rệt.

4.3.2. Kiến thức xã hội

Một trong những nguyên nhân khiến SV phản xạ chậm là do thiếu kiến thức nền, kiến thức xã hội từ đó ý tưởng nói

bị giới hạn. Để khắc phục tình trạng này, nhóm nghiên cứu đề xuất SV đọc các bài báo, tin tức trên các website chính thống như: BBC News (<https://www.bbc.co.uk/news>), CNN Student News (<https://edition.cnn.com/studentnews/>), Vnnews (<https://vietnamnews.vn/>), Vox (<https://www.vox.com/>), Wonderopolis (<https://wonderopolis.org/>), Conserve Energy Future (<https://www.conserve-energy-future.com/>)... hoặc xem video trong các chương trình như Ted Talks, VoiceTube, Goalcast, In the now, Allure, Entrepreneur Mindset, v.v. Những website, chương trình tiếng Anh này cung cấp một lượng lớn thông tin các kiến thức nền và kiến thức xã hội cho SV, giúp giải quyết vấn đề thiếu ý tưởng trong quá trình phản xạ nói.

4.3.3. Môi trường học tập

Qua kết quả khảo sát và phỏng vấn có thể thấy đa số SV được GV hỗ trợ khi tham gia các hoạt động trong giờ học. Bên cạnh đó, có một phần không nhỏ SV vẫn chưa thực sự nhận được sự hỗ trợ hiệu quả từ phía GV. Để giải quyết vấn đề này, nhóm nghiên cứu đưa ra giải pháp rằng GV nên phân bổ sự hỗ trợ hợp lí, cân bằng giữa các SV trong giờ học hoặc trong trường hợp không thể trực tiếp hỗ trợ SV thì GV có thể sắp xếp những SV có học lực giỏi và khá kèm và giúp đỡ các SV học kém hơn, đồng thời khuyến khích các thành viên trong lớp hỗ trợ nhau trong quá trình thực hiện hoạt động nói riêng và trong học tập nói chung, tăng cường học tập thông qua hoạt động nhóm. Đây cũng là một đề xuất được SV đưa ra nhiều trong quá trình phỏng vấn. Bên cạnh đó, nếu buổi học được triển khai trực tuyến, GV nên áp dụng triệt để hơn quy tắc 5B (Be on time, Be visible & quiet, Be well-dressed, Be disciplined, Be active) đã được Khoa Ngôn ngữ Anh (tiền thân là Khoa Ngoại ngữ) xây dựng để quản lý lớp học, tạo môi trường như học trực tiếp trên lớp.

4.3.4. Chuẩn bị bài và thực hành ngoài giờ

Để tăng mức độ thường xuyên và hiệu quả cho việc chuẩn bị bài và thực hành ngoài giờ học của SV, nhóm nghiên cứu đề xuất áp dụng EOP - English for Occupational Purposes (<https://eop.edu.vn/>) như một nền tảng hỗ trợ kiểm soát thời lượng và chất lượng của việc chuẩn bị bài và thực hành ngoài giờ học của SV. Nội dung chuẩn bị bài trước khi lên lớp và sau khi lên lớp nên được đăng tải trên hệ thống EOP thay vì sử dụng nền tảng Microsoft Teams như hiện tại. Hệ thống này giúp GV quản lý chặt chẽ hơn quá trình học tập của SV, tạo cho SV ý thức chủ động hơn trong học tập.

4.3.5. Yếu tố tâm lý và thói quen tư duy và sử dụng tiếng Việt

Để giảm thiểu việc tư duy bằng tiếng Việt, sử dụng tiếng Việt và tâm lý sợ sai, trong quá trình phỏng vấn, GV đề xuất giải pháp nhằm thu hẹp khoảng cách giữa GV và SV, cụ thể là tạo môi trường dân chủ trong và ngoài lớp học. Nếu GV biết chấp nhận câu trả lời sai thay vì phủ nhận câu trả lời của SV thì SV sẽ có động lực tiếp tục phát biểu. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu đề xuất áp dụng quy tắc 5N

trong các lớp học, đặc biệt là với các lớp kỹ năng tiếng cho sinh viên năm thứ hai, bao gồm: "No Vietnamese, No delay, No silence, No fear 'of mistakes', No pain no gain"

+ No Vietnamese: Không sử dụng tiếng Việt trong lớp học

+ No delay: Không trì hoãn, cố gắng đưa ra phản hồi nhanh nhất có thể

+ No silence: Không im lặng khi tham gia hoạt động có yêu cầu sự tương tác

+ No fear 'of mistakes': Không sợ mắc lỗi khi tham gia tương tác

+ No pain no gain: SV phải ý thức được là cần chủ động tham gia vào các hoạt động tăng cơ hội thực hành, sử dụng ngôn ngữ, tạo thành thói quen phản xạ nhanh và hiệu quả.

Quy tắc 5N có thể được in thành poster và treo trong các lớp học để tăng ý thức tự giác cho SV.

4.3.6. Đặc thù môn học

Qua kết quả quan sát có thể thấy phản xạ nói của SV bị ảnh hưởng một phần bởi đặc thù môn học. SV có xu hướng phản xạ tích cực hơn trong kỹ năng nói và ít chú trọng luyện phản xạ nói tiếng Anh trong các kỹ năng nghe, đọc, viết từ đó dẫn đến SV mất đi sự chủ động và cơ hội thực hành phản xạ. Đối với vấn đề này, nhóm nghiên cứu đề xuất GV dạy các kỹ năng nghe, đọc và viết nên tăng cường đặt câu hỏi, gợi ý và mời SV trả lời; cân nhắc triển khai các hoạt động như hoạt động kiểm tra đáp án, đưa ra ý tưởng dưới dạng trò chơi hoặc thi đua để tăng tốc độ phản xạ nói cho SV. Bên cạnh đó, cần có những hoạt động nói phối hợp với các hoạt động nghe, đọc trong phần trước khi nghe, đọc (pre-listening, pre-reading) và phần sau khi nghe, đọc (post-listening, post-reading) để SV có cơ hội phản hồi (reflect) về những kiến thức trong bài nghe hoặc bài đọc, áp dụng các kỹ thuật tương tác như bắt cặp-chia sẻ (Think-Pair-Share), thảo luận (discussion), hoạt động nói ngẫu hứng (Impromptu).

5. KẾT LUẬN

Để tìm hiểu thực trạng, các yếu tố ảnh hưởng tới phản xạ nói tiếng Anh của sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, từ đó đưa ra những giải pháp tương ứng, nhóm nghiên cứu đã sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp. Kết quả nghiên cứu cho thấy thực trạng phản xạ nói tiếng Anh của SV còn chậm, mặc dù nhìn chung SV nghe hiểu được câu hỏi/ yêu cầu/ nhiệm vụ nhưng vẫn cần nhiều thời gian để phản hồi. Cơ hội phản xạ chưa được SV tận dụng một cách tối đa. SV có xu hướng coi trọng việc rèn luyện phản xạ và tương tác nhiều hơn trong kỹ năng nói hơn các kỹ năng nghe, đọc, viết; chưa chủ động và tự tin khi tham gia phản xạ, còn sử dụng tiếng Việt nhiều trong quá trình tương tác với bạn cùng lớp, đặc biệt là khi không có sự giám sát của GV. Các yếu tố ảnh hưởng đến phản xạ nói tiếng Anh bao gồm: kiến thức ngôn ngữ, xã hội; tâm lý sợ sai, thụ động; môi trường học tập; mức độ phù hợp của hoạt động với năng lực của SV; việc chuẩn bị bài và thực

hành ngoài giờ học; thói quen tư duy bằng tiếng Việt và sử dụng tiếng Việt khi tham gia hoạt động; sự hỗ trợ từ GV và SV trong lớp; đặc thù môn học; và kỹ năng nghe hiểu. Dựa trên thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng, nhóm nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp nhằm giúp SV phát triển phản xạ nói tiếng Anh của bản thân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bygate, M, 1987. *Speaking*. Oxford: Oxford University Press.
- [2]. Chaney A. L., Burk T. L. 1998. *Teaching Oral Communication in Grades K-8*. Boston: Allyn and Bacon.
- [3]. Collins COBUILD, 2007. *Collins COBUILD Advanced Dictionary of English*. American: Heinle ELT.
- [4]. Cummins J., 1981. *The Role of Primary Language Development in Promoting Educational Success for Language Minority Students*. In California State Department of Education (Ed.). *Schooling and Language Minority Students: A Theoretical Rationale* (pp. 3-49). Los Angeles. CA: California State University.
- [5]. Harmer J., 2010. *How to teach English*. Harlow. Essex: Addison Wesley Longman.
- [6]. Học viện nghiên cứu và đào tạo đánh vần tiếng Anh, 2014. *Phương pháp tăng cường phân xạ và tư duy tiếng Anh để nói bất kỳ điều gì bạn muốn*. Việt Nam: Học viện nghiên cứu và đào tạo đánh vần tiếng Anh.
- [7]. Huỳnh Thị Bích Vân, 2014. *Vận dụng lí thuyết hoạt động lời nói giúp học sinh tăng cường sử dụng tiếng Anh trong lớp học*. Việt Nam: Ngôn ngữ và Đời sống.
- [8]. Lê Hương Hoa, 2018. *Kỹ năng giao tiếp tiếng anh của sinh viên Trường Đại học Cảnh sát nhân dân trong thời kỳ hội nhập*. Việt Nam: Trường Đại học Cảnh sát Nhân dân.
- [9]. Lê Văn Canh, 2004. *Understanding Foreign Language Teaching Methodology*. Hà Nội: Vietnam National University Publisher.
- [10]. Rao P., 2018. *Teaching speaking skills in English language classrooms through various techniques and activities*. Al-Hasa. Kingdom of Saudi Arabia: King Faisal University.
- [11]. Rice M., 2018. *Developing Undergraduate ELL's Quick Response Skills*. American: University of Oregon.
- [12]. Thornbury S., 2005. *How to Teach Speaking*. New York: Pearson Education.
- [13]. Trương Trần Minh Nhật, 2018. *Thực trạng kỹ năng nói tiếng Anh và đề xuất một số hoạt động tự rèn luyện nói tiếng Anh ngoài lớp học cho sinh viên chuyên ngành kỹ thuật Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh*. TP Hồ Chí Minh. Tạp chí Giáo dục, số 345.
- [14]. Vũ Đình Bắc, Dương Thị Hoàng, 2020. *Using debate technique to improve English speaking response for the second-year-english major students at Thai Nguyen University of Education*. Việt Nam: TNU Journal of Science and Technology.
- [15]. Willis J., 1996. *A Framework for Task-Based Learning*. Harlow: Addison Wesley Longman.